

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 06/6/2019

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. bà Phạm Thị Hồng
2. ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình K

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Đ

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Đình K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Trước năm 2016 giữa vợ chồng ông và vợ chồng Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ vay mượn, mua bán cà phê, phân bón với nhau. Những lần mượn tiền và bán cà phê trước đây đều đã thanh toán xong công nợ. Trong năm 2017 và 2018 bà Nguyễn Thị Đ tiếp tục đến nhà ông vay tiền và ứng tiền chốt bán cà phê, phân bón nhiều lần, mỗi lần các bên đều lập giấy tờ xác nhận nợ. Đến ngày 10/4/2018, Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có đến

nhà ông để các bên tính toán và chốt lại công nợ. Và các bên thống nhất lập lại phiếu cho vay tiền dân sự, trong đó, ông L và bà Đ xác nhận vay của vợ chồng ông số tiền 109.000.000đ (một trăm lẻ chín triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả ngày 10/12/2018, có chữ ký xác nhận nợ của ông L, bà Đ. Sau khi tính toán và xác lập lại giấy vay, các bên hủy bỏ những giấy xác nhận nợ trước đây đã ký. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu ông L, bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nhưng ông bà cố tình trốn tránh. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán 109.000.000đ tiền gốc; về tiền lãi: yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho ông tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án theo lãi suất đã thỏa thuận là 1%/tháng.

Theo lời khai của bị đơn, bà Nguyễn Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án thì: Giữa vợ chồng bà với ông Nguyễn Đình K, bà Nguyễn Thị Đ bắt đầu có quan hệ mua bán, vay mượn từ cách đây 5 năm, tuy nhiên trước đây đều đã thanh toán đầy đủ. Chỉ có hai năm trở lại đây do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà chưa có tiền để thanh toán cho ông K, bà H. Ngày 10/4/2018 bà và ông L có ký xác nhận công nợ với bà H, ông K. Bà chỉ nhớ bà H tính cho bà là 90.000.000đ là tiền 3 tấn phân, 04 tạ cà phê và 10.000.000đ tiền mặt là khoản nợ của năm trước. Sau đó bà H ghi lại số nợ rồi đọc cho bà nghe. Bà không biết bà H, ông K tính toán như thế nào để thành số tiền 109.000.000đ nhưng bà và ông L đồng ý ký vào giấy vay tiền. Bà không giữ các giấy tờ vay mượn, mua bán trước đó, mà ông K, bà H giữ. Bà không có ý định trốn tránh trả nợ, bà và ông L sẽ trả cho bà H, ông K nhưng vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên bà mong muốn được trả nợ dần. Chồng bà đang có việc đi thành phố Hồ Chí Minh nên không về làm việc kịp.

Theo lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì:

Bà xác nhận những lời khai của Ông Nguyễn Đình K là đúng sự thật. Và bà xác định thêm, số tiền 109.000.000đ là tiền nợ gốc, chưa có lãi. Đây là tài sản chung vợ chồng nên yêu cầu ông L, bà Đ phải thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho vợ chồng bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bị đơn cố tình không hợp tác, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Điều 463, Điều 466 BLDS; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy

định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình K. Buộc bị đơn Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho Ông Nguyễn Đình K và bà Trần Thị H 109.000.000đ tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 1% theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp ông Đ, bà L chậm trả thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo quy định. Về án phí: Áp dụng Điều 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. TAND huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn nhưng các đương sự vắng mặt lần thứ hai không có lý do. TAND huyện Đắk Mil xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào giấy vay tiền dân sự đề ngày 10/4/2018 xác định được nội dung: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ vay của Ông Nguyễn Đình K và bà Trần Thị H số tiền 109.000.000đ. Lời khai của các bên đều xác định số tiền này là do các bên tính toán lại công nợ của năm 2017, 2018. Bà L khai không biết bà H tính toán khoản nợ 90.000.000đ là tiền 3 tấn phân, 04 tạ cà phê và 10.000.000đ tiền mặt như thế nào để thành số tiền 109.000.000đ, tuy nhiên bà xác định đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc, bà và ông L đồng ý ký vào giấy vay. Nội dung và hình thức thỏa thuận không trái với quy định pháp luật. Mặt khác bà không cung cấp được các chứng cứ là những giấy vay trước đây, do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét. Các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán ngày 10/12/2018. Tuy nhiên, đến hạn ông L, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm thỏa thuận, trái với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ cũng đã có lời khai thừa nhận việc xác nhận nợ và đồng ý sẽ thanh toán cho ông K, bà H nhưng xin trả dần. Tuy nhiên, ông L, bà Đ lại cố tình không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần buộc ông L, bà Đ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 109.000.000đ.

Về tiền lãi: Hợp đồng vay được xác lập ngày 10/4/2018, hạn thanh toán là 10/12/2018, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Kể từ khi vay, bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn số tiền lãi nào.

Khoản 5 Điều 466 BLDS 2015 quy định:

Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay phải trả lãi như sau:

- a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*
- b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời hạn chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*

Và căn cứ vào hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ lãi chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = $109.000.000đ \times 1\%/tháng$ (lãi suất thỏa thuận) $\times 8$ tháng (tính từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/12/2018) = 8.720.000 đ.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = $8.720.000đ \times 0,833\%/tháng$ (lãi suất giới hạn tại khoản 2 Điều 468 BLDS) $\times 5$ tháng 25 ngày (tính từ ngày 11/12/2018 đến ngày 06/6/2019) = 424.000đ.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = $109.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 5$ tháng 25 ngày (tính từ ngày 11/12/2018 đến ngày 06/6/2019) = 9.537.500đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 127.681.500đ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 109.000.000đ và tiền lãi bằng 1%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử = $109.000.000đ \times 1\% \times 13$ tháng 25 ngày = 15.078.000đ; đây là sự tự nguyện của đương sự và HĐXX tôn trọng quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H xác định đây là tài sản chung vợ chồng, do đó, bà yêu cầu bà Đ, ông L cũng phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho bà. Nguyên đơn Ông Nguyễn Đình K cũng xác định đây là tài sản chung vợ chồng, do đó bà H cũng được hưởng quyền lợi và cần buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi cho ông Nguyễn Đình K và bà Trần Thị H là phù hợp.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp $124.078.000đ \times 5\% = 6.203.000đ$ (sáu triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng) tiền án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Đình K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho Ông Nguyễn Đình K và bà Trần Thị H số tiền 124.078.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng), trong đó có 109.000.000đ (một trăm lẻ chín triệu đồng) tiền nợ gốc, 15.078.000đ (mười lăm triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng) tiền nợ lãi.

2. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 6.203.000đ (sáu triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng) tiền án phí DSST.

Trả lại cho Ông Nguyễn Đình K 2.725.000đ (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003311 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận